

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO HTECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO HTECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTECH HIGH TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HTECH TECHNOLOGY.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110632001

**3. Ngày thành lập:** 27/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18, ngõ 7, đường Thanh Lâm, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0865712853

Fax:

Email: [duan.htech@gmail.com](mailto:duan.htech@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn được phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651(Chính) |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4653        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                | 8299        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9521        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9522        |

|     |                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                            | 4690 |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711 |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                      | 4719 |
| 14. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                              | 2610 |
| 15. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                               | 2620 |
| 16. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                          | 2630 |
| 17. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                      | 2640 |
| 18. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                  | 2670 |
| 19. | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                 | 2680 |
| 20. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và<br>điều khiển điện                                       | 2710 |
| 21. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                     | 2731 |
| 22. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                  | 2732 |
| 23. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                 | 2733 |
| 24. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                       | 2740 |
| 25. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                               | 2750 |
| 26. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                             | 2790 |
| 27. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                               | 2816 |
| 28. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và<br>thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                        | 2817 |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá )                                               | 4791 |
| 30. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ đấu giá )                                                          | 4799 |
| 31. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                              | 3312 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                  | 3313 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                  | 3314 |
| 34. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                 | 3320 |
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)           | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 150.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>QUANG HAI  | Thôn Đông Cứu,<br>Xã Dũng Tiến,<br>Huyện Thường<br>Tín, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 30,000       | 0010870106<br>30                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                       | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>QUANG PHÁT | Thôn Đông Cứu,<br>Xã Dũng Tiến,<br>Huyện Thường<br>Tín, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000        | 300.000.000              | 20,000       | 0010850234<br>57                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                       | Tổng số                            | 30.000        | 300.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |

